

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2022

V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Bá Tòng
2. Ông Lê Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022; về tranh chấp: “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị G, sinh năm 1982. Địa chỉ: khóm V, thị trấn Q, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh N, sinh năm 1978. Địa chỉ: khóm V, thị trấn Q, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị G trình bày:* Chị và anh N qua mai mối, được sự đồng ý của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện P (huyện M cũ), tỉnh Vĩnh Long ngày 27/6/2005. Nữ trang cưới: 10 chỉ vàng 24K, trong thời gian chung sống vợ chồng bán chi tiêu trong gia đình hết, hiện nay không còn. Sau khi cưới vợ chồng sống ở khóm V, thị trấn Q, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Có 02 con chung: N1, sinh ngày 05/12/2005 và N2, sinh ngày 11/5/2008 đang sống với anh N. Trong thời gian sống chung, vợ chồng không tạo lập được tài sản chung gì; không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Mâu thuẫn phát sinh là do anh N không lo đời sống cho mẹ con chị nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau; anh N xua đuổi

chị ra khỏi nhà nên chị đã ra ngoài thuê nhà ở từ năm 2018 cho đến nay, chị đi làm thuê và gởi tiền về nuôi hai con. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn anh N; Về con chung: N1, sinh ngày 05/12/2005 và N2, sinh ngày 11/5/2008 chị G yêu cầu giải theo nguyện vọng của các con, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con; các con có nguyện sống với cha nên chị đồng ý để anh N nuôi hai con, chị không cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2022 cháu N1 trình bày:* cha cháu tên N, mẹ cháu tên G. Cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu sống với cha.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2022 cháu N2 trình bày:* cha cháu tên N, mẹ cháu tên G. Cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu sống với cha.

- *Tại phiên tòa:* nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị G có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh N, anh N có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn anh N tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng anh N vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nhân.

[1.3] Bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên anh N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, anh phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị G là có cơ sở. Bởi lẽ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; anh chị không còn

sống chung từ năm 2018 đến nay. Chị G xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N, yêu cầu được ly hôn anh N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị G được ly hôn anh N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: N1, sinh ngày 05/12/2005 và N2, sinh ngày 11/5/2008. Chị G yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con; cháu N1 và cháu N2 có nguyện vọng sống với cha. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao cháu N1 và cháu N2 cho anh N trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh N không yêu cầu chị G có nghĩa cấp dưỡng cho con. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: chị G không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị G phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị G và anh N.

2. Về con chung:

2.1. Giao N1, sinh ngày 05/12/2005 và N2, sinh ngày 11/5/2008 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: anh N không yêu cầu chị G có nghĩa cấp dưỡng cho con. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị G có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N1 và N2 được sống chung với anh N.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời

người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị G không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị G nộp theo biên lai thu số 0013745 ngày 18/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị G đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND TT. Tân Quới, H. Bình Tân, T. Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

